

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH LIÊU
TỈNH QUẢNG NINH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 01/2022/DS-ST

Ngày: 30/8/2022

“V/v Tranh chấp đòi nợ tiền
mua bán vật liệu xây dựng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH LIÊU - TỈNH QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: - Bà Sái Thị Kim Lan

- Bà Tô Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Lục Văn Biên, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Liêu, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Quang Phúc - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 8 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TLST-DS ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc “V/v Tranh chấp đòi nợ tiền mua bán vật liệu xây dựng”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2022/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 07 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐ-DS ngày 02 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Anh Quy Như B, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa

* Bị đơn: Anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1988; Nơi ĐKKHKT: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa

* Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Trần Thị Thu H, sinh năm 1997; Địa chỉ: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

2. Bà La Thị T; Địa chỉ: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng Mặt

3. Chị Phan Thị P, sinh năm 1972; Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xử vắng mặt

4. Anh Hoàng Văn P, sinh năm 1986; Địa chỉ: khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có đơn xin xử vắng mặt

5. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1966; Địa chỉ: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Có mặt tại phiên tòa

6. Anh Hoàng Anh D; Địa chỉ: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và những lời trình bày trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, Nguyên đơn Anh Quy Như B trình bày: Ngày 21/12/2018, Anh Quy Như B có thuê lại kho bán vật liệu xây dựng của Công ty C - Chi nhánh B do anh Hoàng Anh D làm người đại diện ở khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, sau đó tiến hành kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng.

Ngày 09/9/2019 anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1988 có địa chỉ tại Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh có gọi điện cho anh B số điện thoại 0346.747858 và 0362515588 để mua vật liệu xây dựng về xây nhà tại Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Anh cũng có nói trước với anh T là không bán vật liệu xây dựng nợ và anh T đồng ý. Từ ngày 09/9/2019 cho đến ngày 24/10/2019 anh T có lấy vật liệu xây dựng của anh tất cả là 07 chuyến hàng vật liệu xây dựng đến nay anh đòi nợ anh T nhiều lần nhưng không trả số nợ cụ thể như sau:

Ngày 09/9/2019 anh T là người ký nhận vật liệu xây dựng gồm: Xi măng Cẩm Phả 5 tấn = 7.100.000đ; Thép phi 10 – 200 cây = 19.000.000đ; công bốc xếp 150.000đ; tổng số tiền phải thanh toán là 26.250.000đ.

Ngày 10/9/2019 anh T là người ký nhận vật liệu xây dựng gồm: Thép phi 18 – 56 cây = 17.920.000đ; Thép phi 14 – 14 cây = 2.800.000đ; Thép phi 12 – 12 cây = 1.740.000đ; Thép phi 6 – 128kg = 1.920.000; tổng số tiền phải thanh toán là 24.380.000đ.

Ngày 11/9/2019 anh T là người ký nhận vật liệu xây dựng gồm: Thép phi 20 – 12 cây = 4.920.000đ; Thép phi 18 – 40 cây = 12.800.000đ; Thép phi 8 tron 199kg = 2.985.000đ; tổng số tiền phải thanh toán là 20.705.000đ.

Ngày 12/9/2019 anh T là người ký nhận vật liệu xây dựng gồm: Thép phi 6 – 120kg = 1.800.000đ; Xi măng Cẩm Phả 6 tấn = 8.520.000đ; công bốc xếp 180.000đ; tổng số tiền phải thanh toán là 10.500.000đ.

Ngày 24/10/2019 anh T là người ký nhận vật liệu xây dựng gồm: Thép phi 18 – 68 cây = 21.420.000đ; Thép phi 10 – 90 cây = 8.370.000đ; Thép phi 6 - 102kg = 1.428.000đ; công bốc xếp 260.000đ; tổng số tiền phải thanh toán là 31.478.000đ.

Anh T ký nhận 5 phiếu giao hàng tổng giá trị là 113.313.000đ.

Ngày 17/9/2019 bà T (mẹ đẻ anh T) là người ký nhận vật liệu xây dựng gồm: Xi măng Cẩm Phả 6 tấn = 8.520.000đ; công bốc xếp 180.000đ; tổng số tiền phải thanh toán là 8.700.000đ.

Ngày 16/10/2019 bà T (mẹ đẻ anh T) là người ký nhận vật liệu xây dựng gồm:

Xi măng lam thạch 4 tấn = 4.880.000đ; công bốc xếp 120.000đ; tổng số tiền phải thanh toán là 5.000.000đ.

Bà T mẹ anh T ký nhận 2 phiếu giao hàng tổng giá trị là: 13.700.000đ.

Tổng giá trị của 07 chuyến vật liệu xây dựng trên là 127.013.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn đồng) kèm theo phiếu giao hàng

Trong các lần giao dịch lấy hàng thì anh T là người trực tiếp gọi điện thoại liên hệ cho anh để lấy hàng, rồi anh mới liên hệ lại cho nhân viên bán hàng là chị Phan Thị P để xuất hàng từ kho, 07 chuyến hàng này thì đều do lái xe của cửa hàng anh là anh Hoàng Văn P chở đến giao trực tiếp tại địa điểm nhà anh T Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày 11/10/2019 vợ anh T là chị Trần Thị Thu H có chuyển khoản vào số tài khoản 8008207000160 chủ tài khoản là bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ tôi) số tiền là 40.000.000đ để trả nợ tiền vật liệu xây dựng trên và có nhu cầu được lấy thêm vật liệu xây dựng, rồi có hứa với anh ngày 25/10/2019 sẽ thanh toán tất cả và không nợ vì vậy tôi đồng ý cho anh T lấy tiếp. Từ ngày 11/10/2019 cho đến nay tôi đã yêu cầu anh T thanh toán số tiền còn nợ lại anh và anh T đã hẹn trả nợ tôi rất nhiều lần nhưng anh T không trả và thiếu trách nhiệm. Vì vậy anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu buộc anh T phải thanh toán cho anh số tiền nợ cụ thể như sau:

Tổng giá trị của 07 chuyến vật liệu xây dựng trên là: 127.013.000đ trừ đi số tiền chị H đã chuyển khoản 40.000.000đ Số tiền còn nợ lại 87.013.000đ (tám mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn đồng)

Tiền lãi tính từ ngày 25/10/2019 đến ngày 30/8/2022 (mức lãi xuất 9,5%/năm) là 23.553.000đ; tổng cộng số nợ: 110.566.000đ (một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Bị đơn anh Hoàng Ngọc T trình bày: Qua nội dung trình bày của anh Quy Như B anh khẳng định anh không thực hiện việc mua vật liệu xây dựng với anh B và không nợ anh B tiền mua vật liệu xây dựng. Anh B đã cung cấp cho anh xem về Hợp đồng thuê kho bán vật liệu xây dựng và 07 phiếu giao hàng, anh ký 5 phiếu giao hàng vật liệu xây dựng tổng giá trị: 113.313.000đ, bà T mẹ anh ký nhận 2 phiếu giao hàng vật liệu xây dựng tổng giá trị: 13.700.000đ nhưng anh thấy chưa thuyết phục, vì bản thân anh hiện đang lưu giữ 06 phiếu giao hàng có chữ ký của người giao là anh P không có chữ ký của người nhận, nó không khớp với 07 phiếu giao hàng anh B đã nộp cho Tòa án. Hiện tại anh không cung cấp được 06 phiếu giao hàng của anh cho Hội đồng xét xử. Tại phiên tòa, anh T thừa nhận khoảng tháng 9, 10/2019 anh có mua vật liệu xây dựng để xây nhà từ kho vật liệu xây dựng tại khu C, thị trấn B, anh T chỉ biết kho này thuộc quyền quản lý của Công ty C – Chi nhánh B do anh Hoàng Anh D làm người đại diện, không liên quan đến cá nhân anh B.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

* Anh Hoàng Văn P trình bày: Tôi là lái xe chở vật liệu xây dựng cho anh Quy Như B, trong thời gian từ ngày 09/9/2019 đến ngày 24/10/2019 tôi chở tổng 07 chuyến vật liệu xây dựng tại cửa hàng của ông B do bà Phan Thị P là người quản lý kho giao cho tôi trực tiếp chở hàng cho gia đình anh Hoàng Ngọc T tại Khu B, thị trấn B, huyện B, trong 07 lần thì có 05 lần anh T là người nhận trực tiếp và 02 lần là

bà T mẹ anh T nhận, khi nhận có ký nhận vào phiếu giao hàng.

*Chị Phan Thị P trình bày: Trong thời gian tôi bán hàng thuê tại cửa hàng vật liệu xây dựng của anh Quy Như B từ ngày 09/9/2019 đến ngày 24/10/2019 được lệnh của anh B là chủ cửa hàng tôi đã xuất kho số vật liệu xây dựng theo yêu cầu cho lái xe là anh Hoàng Văn P để chở cho gia đình anh Hoàng Ngọc T tại khu Bình Dân, thị trấn Bình Liêu để xây nhà tổng tất cả 07 chuyến cụ thể được thể hiện trong phiếu giao hàng vật liệu xây dựng.

* Bà Hoàng Thị N trình bày: Tôi là mẹ đẻ cả anh Quy Như B bán vật liệu xây dựng tại khu C, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, trong thời gian từ ngày 09/9/2019 đến ngày 24/10/2019 anh Hoàng Ngọc T có lấy vật liệu xây dựng của anh B tổng 07 lần (có phiếu giao hàng kèm) và vào ngày 11/10/2019 vợ anh T là chị Trần Thị Thu H có chuyển trả tiền vật liệu xây dựng với số tiền 40.000.000đ vào số tài khoản của chị 8008207000160 tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển Việt Nam chi nhánh huyện Bình Liêu. Chị khẳng định đây là trả tiền vật xây dựng không phải trả tiền vay.

* Bà La Thị T trình bày: Tôi là mẹ đẻ của anh Hoàng Ngọc T trong năm 2019 con tôi có xây nhà riêng để ở, do con tôi không ở nhà khi vật liệu xây dựng trở đến nên tôi đã ký nhận 02 xe vật liệu xây dựng; Ngày 16/10/2019 tôi người nhận hàng, số tiền phải thanh toán là 5.000.000đ; Ngày 17/9/2019 tôi người nhận hàng, số tiền phải thanh toán là 8.700.000đ; đối với con tôi về nợ tiền vật liệu xây dựng của nhà anh B là đúng tôi vẫn khuyên con tôi nên trả cho anh B số tiền mua vật liệu để xây nhà

* Chị Trần Thị Hà trình bày: Tôi là vợ của anh T tôi không biết anh T mua vật liệu xây dựng còn số tiền tôi chuyển cho bà N Mẹ anh B là tôi vay nợ bà N tôi không nhớ vay nợ từ thời gian nào nhưng tôi đã thanh toán chuyển khoản cho bà N 40.000.000đ để trả nợ tiền vay chứ không phải trả tiền vật liệu xây dựng.

* Anh Hoàng Anh D: Qua xác minh tại khu và Mẹ anh Hoàng Anh D cho biết Tòa triệu tập anh D về để giải quyết vụ án “V/v Tranh chấp đòi nợ tiền mua bán vật liệu xây dựng” giữ anh B và anh T, mẹ Anh D cho biết hiện tại anh không về được. Trưởng khu cho biết hiện tại anh Hoàng Anh D vắng mặt tại địa phương.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng.

Theo lời khai của các đương sự và các phiếu giao hàng các ngày 9, 10, 11, 12, 17/9, 16/10, 24/10/2019 thì giữa anh Quy Như B và anh Hoàng Ngọc T có phát sinh quan hệ dân sự mua bán vật liệu xây dựng, với tổng số tiền 127.013.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn đồng), đã thanh toán số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng), còn nợ lại 87.013.000đ. Đến nay, anh T vẫn chưa thanh toán số nợ theo thỏa thuận cho anh B, nên yêu cầu khởi kiện đòi nợ của anh B là có cơ sở chấp nhận.

Về phần nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên

đơn, căn cứ quy định tại Điều 26 BLTTDS, Điều 430, 433, 434, 357, 468 Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Quy Như B, buộc anh Hoàng Ngọc T phải thanh toán cho anh B số tiền nợ gốc là 87.013.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/10/2019 đến ngày 30/8/2022 (mức lãi xuất 9,5%/năm) là 23.553.000đ, tổng cộng là 110.566.000đ (một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự, kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng: Bị đơn anh Hoàng Ngọc T, sinh năm 1988, Nơi ĐKKHKT: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh; nơi ở: Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh, nên khởi kiện yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ và lãi suất của anh Quy Như B thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu theo quy định tại Điều 26; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt gồm chị Phan Thị P, anh Hoàng Văn P, bà La Thị T nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt là cơ bản đã thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình đúng theo quy định.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Trần Thị Thu H, anh Hoàng Anh D tại phiên tòa hôm nay đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vi phạm quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung: Từ ngày 09/9/2019 cho đến ngày 24/10/2019 anh T có lấy của anh B tất cả là 07 chuyến hàng vật liệu xây dựng cụ thể:

Anh T ký nhận 5 phiếu giao hàng các ngày 09, 10, 11, 12/9/2019 và ngày 24/10/2019 với tổng số tiền phải thanh toán theo hóa đơn là 113.313.000đ.

Bà T ký nhận 2 phiếu giao hàng các ngày 16 và 17/9/2019 với tổng số tiền phải thanh toán theo hóa đơn là 13.700.000đ.

Tổng giá trị của 07 chuyến hàng trên là 127.013.000đ (một trăm hai mươi bảy triệu không trăm mười ba nghìn đồng).

Trong các lần giao dịch lấy hàng thì anh T là người trực tiếp gọi điện thoại liên hệ cho anh B để lấy hàng vật liệu xây dựng, rồi anh B mới liên hệ lại cho nhân viên bán hàng là chị Phan Thị P để xuất hàng từ kho, 07 chuyến hàng đều do lái xe của cửa hàng là anh Hoàng Văn P chở vật liệu xây dựng đến giao trực tiếp tại địa điểm nhà anh T Khu B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Quảng Ninh. Đến ngày 11/10/2019 vợ anh T là chị Trần Thị Thu H có chuyển khoản vào số tài khoản 8008207000160 chủ tài khoản là bà Hoàng Thị N (mẹ đẻ anh B) số tiền là 40.000.000đ để trả nợ tiền vật liệu xây dựng trên và có nhu cầu được lấy thêm vật liệu xây dựng, có hứa với

anh ngày 25/10/2019 sẽ thanh toán tất cả và không nợ. Vì vậy anh đồng ý cho anh T lấy vật liệu xây dựng tiếp. Từ ngày 11/10/2019 cho đến nay anh đã yêu cầu anh T thanh toán số tiền còn nợ lại cho anh và anh T đã hẹn trả nợ anh rất nhiều lần nhưng anh T không trả và thiếu trách nhiệm. Nên anh đề nghị Tòa án nhân dân huyện Bình Liêu buộc anh T phải trả cho anh số tiền cụ thể như sau:

Tổng giá trị của 07 chuyến vật liệu xây dựng trên là: 127.013.000đ trừ đi số tiền chị H đã chuyển khoản 40.000.000đ Số tiền còn nợ lại 87.013.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/10/2019 đến ngày 30/8/2022 (mức lãi xuất 9,5%/năm) là 23.553.000đ, tổng cộng là 110.566.000đ (một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T không thừa nhận chữ ký, chữ viết trong phiếu giao hàng là của anh T ký nhận, nhưng anh T cũng không thực hiện việc giám định chữ ký, chữ viết để chứng minh cho chữ ký, chữ viết không phải của anh và anh T từ chối không thanh toán khoản nợ trên cho anh B.

Hội đồng xét xử xét thấy: Từ ngày 09/9/2019 cho đến ngày 24/10/2019 anh T có mua của anh B tất cả là 07 chuyến hàng vật liệu xây dựng bằng phiếu giao hàng cụ thể:

Anh T ký nhận 5 chuyến hàng tại phiếu giao hàng các ngày 09, 10, 11, 12/9/2019 và ngày 24/10/2019 với tổng số tiền phải thanh toán theo phiếu giao hàng là 113.313.000đ.

Bà T ký nhận 2 chuyến hàng tại phiếu giao hàng các ngày 16 và 17/9/2019 với tổng số tiền phải thanh toán theo phiếu giao hàng là 13.700.000đ.

Tổng giá trị của 07 chuyến hàng trên là 127.013.000đ (Có phiếu giao hàng kèm theo). Ngày 11/10/2019 vợ anh T là chị Trần Thị Thu H có chuyển khoản cho bà Hoàng Thị N (mẹ của anh B) số tiền là 40.000.000đ để trả nợ tiền vật liệu xây dựng. Số tiền còn nợ vật liệu xây dựng là 87.013.000đ và tiền lãi tính từ ngày 25/10/2019 đến ngày 30/8/2022 (mức lãi xuất 9,5%/năm) là 23.553.000đ, tổng cộng là 110.566.000đ (một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Như vậy, cần xác định việc mua bán vật liệu xây dựng này có sự tham gia của bà T và chị H. Tại phiên tòa, anh B yêu cầu anh T trả số tiền nợ gốc còn thiếu và lãi suất tính theo ngân hàng nhà nước mức lãi suất quy định tại khoản 2 điều 468 Bộ luật dân sự tương đương mức lãi suất 9,5%/ năm. Tính từ thời điểm vi phạm hợp đồng đến thời điểm xét xử sơ thẩm từ ngày 25/10/2019 đến ngày 30/8/2022 (mức lãi xuất 9,5%/năm) là 23.553.000đ.

Về án phí: Anh Hoàng Ngọc T phải chịu án phí Dân sự sơ thẩm theo luật định. Yêu cầu của anh Quy Như B được chấp nhận nên cần trả lại tiền tạm ứng án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 26, 35, 147, 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điều 117, 351, 353, 357, 430, 433, 434 và điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; điều

26 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án,

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Quy Như B.

Buộc anh Hoàng Ngọc T có nghĩa vụ phải trả cho anh Quy Như B số tiền: 110.566.000đ (một trăm mười triệu năm trăm sáu mươi sáu nghìn đồng) trong đó (tiền gốc: 87.013.000đ; tiền lãi 23.553.000đ)

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền trên, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Anh Hoàng Ngọc T phải chịu 5.528.300 (năm triệu năm trăm hai mươi tám nghìn ba trăm đồng) tiền án phí Dân sự sơ thẩm. Trả lại cho anh Quy Như B 2.500.000đ (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Liêu theo biên lai thu tiền số 014014 ngày 06/01/2022.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Các đương sự.
- Chi cục THADS huyện Bình Liêu.
- TAND tỉnh Quảng Ninh.
- VKSND huyện Bình Liêu.
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Hoàng Thị Hải